



## PERESTROIKA VÀ SỰ KẾT THÚC CHIẾN TRANH LẠNH

**Nguồn:** Archie Brown (2007). "Perestroika and the End of the Cold War", *Cold War History*, Vol.7, No. 1, pp. 1-17.

**Biên dịch:** Nông Thị Nghi Phương | **Hiệu đính:** Lê Hồng Hiệp

*Dựa trên một nghiên cứu kỹ lưỡng về các nguồn lưu trữ (bao gồm các biên bản của Bộ Chính trị) và hàng loạt hồi ký của các nhân vật chính khách hàng đầu của Liên Xô, tác giả lập luận rằng một tập hợp mang tính phụ thuộc lẫn nhau giữa ban lãnh đạo mới, các tư tưởng mới, và sức mạnh thể chế lâu đời tại Liên Xô chịu trách nhiệm chính cho sự kết thúc của Chiến tranh Lạnh. Mặc dù thừa nhận rằng 'nhân tố Reagan' là quan trọng về một số mặt, tác giả bác bỏ nhận định rằng chính quyền Reagan đóng một vị trí quan trọng mang tính quyết định trong việc kết thúc Chiến tranh Lạnh, đồng thời lật lại một số ý kiến khác nhau vốn được đưa ra nhằm lý giải sự kết thúc của Chiến tranh lạnh theo chiều hướng của chủ nghĩa hiện thực.*

Không ai trong năm 1985 có thể tưởng tượng được rằng chỉ trong vòng bảy năm mà sự thống trị của Chủ nghĩa Cộng sản sẽ kết thúc ở châu Âu, Chiến tranh Lạnh chấm dứt, và Liên Xô sẽ sụp đổ. Thế nhưng khi những sự kiện này xảy ra, không hề hiếm các nhà quan sát nhanh chóng tuyên bố rằng những kết quả này là không thể tránh khỏi. Chủ nghĩa cộng sản đúng là một hệ thống thiếu hiệu quả trên rất nhiều mặt (dù không phải là tất cả) nên sẽ không thể tồn tại mãi mãi, nhưng nó cũng là hệ thống đã giải quyết được hàng loạt mối đe dọa trong suốt 70 năm và tạo dựng được những khả năng phòng thủ chính trị và quân sự mạnh mẽ.

Rất nhiều sự đơn giản hóa quá mức hoặc hiểu lầm liên quan đến *perestroika* (cải tổ) và sự sụp đổ của Liên Xô đã trở nên quá phổ biến. Trong số đó có quan

điểm cho rằng Liên Xô đã đứng trên bờ vực cuối cùng và đối mặt với sụp đổ sắp diễn ra vào những năm 1980; nhận định khác cho rằng sự thay đổi của hệ thống Xô-viết, sự kết thúc của Chiến tranh Lạnh, và sự tan rã của Liên Xô chủ yếu bắt nguồn từ chính quyền Reagan; quan niệm ảo tưởng là Boris Yeltsin phải chịu trách nhiệm chính trong việc phá hủy hệ thống Chủ nghĩa Cộng sản ở Nga; cũng như quan niệm sai lầm ngày càng phổ biến rằng thời kỳ cầm quyền của Yeltsin là sự mở rộng của *perestroika* nhưng với một hình thức dân chủ hơn.<sup>1</sup>

Bài viết này tập trung vào mối quan hệ giữa *perestroika* và sự chấm dứt của Chiến tranh Lạnh. Tôi sẽ lập luận sự kết thúc của Chiến tranh Lạnh là kết quả trực tiếp của tự do hóa và dân chủ hóa cục bộ tại Liên Xô trong nửa cuối thập niên 1980, và, đặc biệt hơn cả, là sự thay đổi mạnh mẽ trong chính sách đối ngoại của Liên Xô. Tuy nhiên, tôi cũng sẽ chú ý đến ý tưởng rằng những thay đổi này bắt nguồn chủ yếu từ chính quyền Reagan cũng như những cách lý giải có liên quan, nhưng rộng hơn, của một số người tự cho mình là người theo chủ nghĩa hiện thực hoặc tân hiện thực trong nghiên cứu quan hệ quốc tế.

Trong tiếng Nga, *perestroika* theo nghĩa đen có nghĩa là sự tái xây dựng hay hành động xây dựng lại. Nếu thuật ngữ này được dịch ra (và trên thực tế nó đã được sử dụng trong tiếng Anh) thì cách dịch 'tái xây dựng' (reconstruction) được ưa thích sử dụng hơn, bởi thuật ngữ đó có thể mang nghĩa rộng là xây dựng một công trình mới tại cùng một vùng đất cũ, hoặc ý nghĩa khác và hạn chế hơn là chỉ sửa chữa nhỏ các công trình đang tồn tại trên đó. Đối với hầu hết các nhà lãnh đạo Xô-viết, những người chỉ ủng hộ suông cho *perestroika*, nó chính là cách hiểu thứ hai. Đối với Gorbachev và những đồng minh chủ chốt của ông trong việc đưa ra dự án chính trị này, gồm cả Aleksandr Yakovlev, *perestroika*, ngay từ đầu có ý nghĩa cực kỳ quan trọng – và nó ngày càng trở thành một khái niệm cấp tiến hơn rất nhiều.

Nó cũng mang ý nghĩa đạo đức. Học giả người Nga Dmitriy Furrman gần đây đã gọi *Perestroika* là 'một kiểu *Tin lành Mác-xít*'.<sup>2</sup> Một nhà cải cách hàng đầu và là trợ lý có ảnh hưởng của Gorbachev, Georgiy Shakhnazarov, nhiều năm trước đã so sánh nó với Cải cách Kháng cách (Reformation).<sup>3</sup> Tuy nhiên, tình thế tiến thoái lưỡng nan của Gorbachev – và điều này thậm chí đã được nhắc đến trong suốt thời kỳ tiến hành *perestroika* – là nếu coi phong trào Cộng sản quốc tế là một thứ tôn giáo thế tục, được bổ sung bởi kinh thánh Marx - Lenin, thì ông *vừa là* Giáo hoàng *vừa là* Luther.

Trên nhiều khía cạnh, việc động lực cho sự thay đổi đến từ bên trên chứ không phải từ một bộ phận lớn công chúng là một bất lợi, bởi *perestroika* chỉ có một khoảng thời gian cực kỳ hạn chế để thiết lập các nền móng của nó. Elena

Bonner đã trích dẫn lời người chồng quá cố của bà, Andrey Sakharov, rằng: “Chúng ta đã bắt đầu xây dựng ngôi nhà mới của mình, không phải từ móng mà từ trần nhà”.<sup>4</sup> Như ngụ ý của Sakharov, đó còn lâu mới là một phương pháp lý tưởng để xây dựng một cấu trúc chính trị mới. Thế nhưng đó lại là con đường duy nhất mà những thay đổi ở quy mô như *perestroika* đã tạo ra có thể bắt đầu ở Liên Xô trong những thập kỷ cuối của thế kỷ 20. Một phong trào quần chúng từ dưới lên hay (chưa nói đến) một cuộc cách mạng đều khó có thể xảy ra. Chính quyền đàn áp các cuộc nổi dậy chính trị trái phép như thể chúng là mối nguy hiểm cho sự tồn vong của quốc gia. Mặc dù điều này không hoàn toàn cho thấy chế độ tự tin về tính chính danh và được lòng dân của mình, nó vẫn đủ để loại bỏ phe chống đối từ khi còn trong trứng nước. Như Furman từng nhận xét: ‘Ti lệ là cứ mỗi người bất đồng chính kiến thì có tới 1.000 nhân viên KGB.... Bất cứ nỗ lực tiến hành cách mạng nào đều sẽ bị dập tắt ngay từ đầu’.<sup>5</sup>

Có thể không có câu trả lời rõ ràng – chứ đừng nói đến ‘khoa học’ – cho câu hỏi ‘Chiến tranh Lạnh đã kết thúc khi nào?’, bởi rốt cuộc thì thuật ngữ ‘Chiến tranh Lạnh’ là một phép ẩn dụ. Tuy nhiên, đó không phải là một phép ẩn dụ ngờ nghệch – như “Cuộc chiến chống Khủng bố” – mà thực sự là một phép ẩn dụ. ‘Chiến tranh Lạnh’ bao gồm những sự kiện rất trọng đại và cũng cực kỳ nguy hiểm, nhưng nó vẫn *không* phải là một cuộc chiến tranh. Tuy nhiên, bởi đó là tên gọi cho sự căng thẳng giữa một bên là Hoa Kỳ và đồng minh, đặc biệt là Tây Âu, với bên còn lại là Liên Xô và khối Cộng sản, có lý do để lập luận rằng Chiến tranh Lạnh, với cách hiểu ý nghĩa nhất của thuật ngữ này, đã kết thúc vào năm 1989 khi khối Xô-viết tự bước vào giai đoạn thoái trào. Tuy nhiên do Chiến tranh Lạnh bắt đầu với sự kiện Liên Xô tiếp quản Đông Âu dưới hình thức các đảng Cộng sản do Moscow chi phối giành được chính quyền, nó kết thúc khi các quốc gia Trung và Đông Âu trở nên phi Cộng sản và độc lập.

Ý định chấm dứt truyền thống chính sách đối ngoại Liên Xô trước kia của Gorbachev đã thể hiện rõ khi ông bắt đầu nhậm chức Tổng Bí thư, dù lúc đó nó chưa ngay lập tức rõ ràng đối với các nhà lãnh đạo phương Tây. Thậm chí ngay trong đám tang của Chernenko vào tháng 3/1985, Gorbachev đã nói các nhà lãnh đạo Đông Âu mà ông tiếp xúc cá nhân rằng họ đừng mong đợi sự can thiệp quân sự của Liên Xô để giữ vững quyền lực của mình.<sup>6</sup> Chính họ là người quyết định liệu có thể duy trì hay giành được niềm tin của người dân quốc gia mình. Sau đó, trong tài liệu sáu trang mà Gorbachev chuẩn bị cho hội nghị Bộ Chính trị tổ chức vào ngày 26/6/1986, ông đã chỉ trích tuyên bố của Liên Xô rằng nước này là thẩm quyền duy nhất trong việc diễn giải chủ nghĩa Marx-Lenin. Ông nói Liên Xô không nên áp đặt các chỉ dẫn cho Đông Âu, mà chỉ nên tạo dựng ảnh hưởng về hệ tư

tướng – chính trị. Mỗi quan hệ với ‘các nước xã hội chủ nghĩa’, như ông gọi, cần dựa trên nền tảng bình đẳng, và nó nên là hoàn toàn tự nguyện.<sup>7</sup> Nói cách khác, Liên Xô nên là một ví dụ điển hình (force of example) (để Đông Âu noi theo) hơn là một ví dụ về sự áp đặt sức mạnh (example of force).

Chỉ trong vài tháng sau khi lên chức Tổng Bí thư Đảng Cộng sản Liên Xô, Gorbachev đã thay thế vị Bộ trưởng Ngoại giao lâu năm, Andrey Gromyko (nhậm vị trí này từ năm 1957), bằng Eduard Shevardnadze, Bí thư Thứ nhất của Gruzia, người không hề có kinh nghiệm gì về các sự kiện quốc tế. Bằng cách đó, Gorbachev đã áp đặt quyền lực tối cao của mình lên quá trình hoạch định chính sách đối ngoại và cài một đồng minh của mình vào Bộ Ngoại giao. Shevardnadze, người cùng lúc đó cũng đang được tiến cử từ vị trí ủy viên dự khuyết lên thành ủy viên chính thức của Bộ Chính trị, cũng đã trở thành một người ủng hộ kiên định cho các cải cách đối nội của Gorbachev.

Gorbachev có lý do nào đó để tin tưởng vào tư duy của Shevardnadze. Hai nhân vật này đã có một cuộc gặp riêng tư ngay sau sự can thiệp quân sự của Liên Xô vào Afghanistan và, như Shevardnadze tiết lộ sau đó, họ ‘đã thống nhất đó là một sai lầm chết người sẽ khiến quốc gia phải trả giá đắt’.<sup>8</sup> Quyết định đã được đưa ra và thi hành trước khi toàn bộ Bộ Chính trị được thông báo, và tất nhiên cả Gorbachev và Shevardnadze đều không công khai sự phản đối của họ ở đó. Bởi các quyết định chính sách đối ngoại thuộc thẩm quyền của giới lãnh đạo chóp bu trong Bộ Chính trị, mà cả Gorbachev và Shevardnadze đều không phải là thành viên, nên nếu chỉ trích cuộc xâm lược Afghanistan thì có thể dẫn tới việc họ nhanh chóng bị loại khỏi nhóm tinh hoa lãnh đạo đảng.

Một khi Gorbachev đã nắm được vị trí quyền lực nhất trong hệ thống chính trị Xô-viết, ông *có thể* làm gì đó với vấn đề Afghanistan, nhưng – và ta có thể so sánh với trường hợp Việt Nam và Iraq – ông lại muốn rút quân theo cách nào đó để nó trông giống như là một thỏa thuận dàn xếp chứ không phải là một thất bại. Trong hội nghị Bộ Chính trị vào ngày 17/10/1985, Gorbachev tuyên bố trước các đồng sự rằng ông đã làm rõ với nhà cầm quyền Afganistan, Babrak Karmal, rằng tới mùa hè năm 1986 người Afghanistan sẽ phải học cách ‘làm thế nào để tự bảo vệ cuộc cách mạng của chính họ’. Karmal, theo như ông nói, đã ‘hết sức ngạc nhiên’.<sup>9</sup>

Gorbachev nói với Karmal rằng ông ta sẽ phải mở rộng lực lượng ủng hộ chế độ. Anatoliy Chernyaev, người lúc đó là phó trưởng Ban Đối ngoại của Ủy ban Trung ương và là người, từ tháng 2/1986, chuẩn bị trở thành trợ lý chính về chính sách đối ngoại cho Gorbachev, cũng có mặt tại hội nghị Bộ Chính trị đó. Ông nói rằng Gorbachev đọc to ‘một số bức thư náo lòng’ từ những người mẹ của các binh

sĩ Liên Xô đã phục vụ, và một số đã chết, ở Afghanistan. Gorbachev đã đánh vào yếu tố tình cảm trong nỗ lực thuyết phục Bộ Chính trị rằng sự hiện diện của Liên Xô tại Afghanistan là một sai lầm rất lớn. Ông kết thúc bài tham luận với câu nói: 'Có hay không có Karmal, chúng ta sẽ vững chắc theo đuổi con đường này, tức phải dẫn đến sự rút lui của chúng ta khỏi Afghanistan trong một khoảng thời gian ngắn tối thiểu'.<sup>10</sup> Quá trình này kéo dài hơn rất nhiều so với mong đợi của ông – một phần bởi Hoa Kỳ tỏ ra lãnh đạm với những lo ngại của Liên Xô về việc trao quyền lực vào tay các phần tử Hồi giáo chính thống tại Afghanistan – và những binh lính Liên Xô cuối cùng đã rời Afghanistan vào tháng 2/1989.

Về phần Tây Âu, trong bài phát biểu quan trọng của ông tại Đại hội Đảng lần thứ 19 mùa hè năm 1988, Gorbachev nói rằng mỗi quốc gia phải tự quyết định loại hình thể chế chính trị và kinh tế theo ý muốn của mình. Ông tiếp tục nhắc lại phát ngôn này trong bài phát biểu tại Liên Hợp Quốc vào tháng 12 năm đó, khi nó nhận được nhiều sự chú ý hơn từ phương Tây.<sup>11</sup> Sự thay đổi về chính sách đối với Tây Âu thậm chí còn mạnh mẽ và ảnh hưởng sâu rộng hơn rất nhiều so với sự rút quân của Liên Xô khỏi Afghanistan. Khi từ bỏ 'học thuyết Brezhnev', vốn là cơ sở để Liên Xô tự cho mình quyền đưa ra quyết định về giới hạn của sự thay đổi ở Đông Âu, Gorbachev không lường trước một sự chối bỏ bất ngờ như vậy cả về thể chế và cả về mối quan hệ hợp tác với Moscow của các dân tộc ở Đông Âu. Song các công dân Trung – Đông Âu đã tin vào tuyên bố không can thiệp của Gorbachev vào năm 1988, và rồi giành độc lập vào năm 1989. Tiếp theo đó là sự thống nhất của Đức vào năm 1990.

## Tư tưởng và lợi ích

Điều gì đã dẫn đến sự chấm dứt hoàn toàn của chính sách đối ngoại mà Liên Xô đã theo đuổi suốt từ sau Chiến tranh Thế giới lần thứ hai? Rất nhiều học giả đã đưa ra những lập luận nói rằng Liên Xô bị dồn vào thế phải từ bỏ các lợi ích của nó như vậy là bởi nó không thể chạy đua kịp với Mỹ. Một vài học giả trong số này đã đánh giá thấp tầm quan trọng của Gorbachev, cho rằng đã có một thỏa thuận trong giới lãnh đạo Xô-viết về nhu cầu cần thay đổi chính sách đối ngoại. Các học giả tương tự lại đánh giá thấp vai trò của các tư tưởng – 'Tư duy mới' - vốn nảy mầm trong các cơ quan hoạch định chính sách hàng đầu và được theo đuổi bởi Gorbachev và các đồng minh cũng như những người ủng hộ ông, như Yakovlev và Chernyaev.

Ví dụ, Stephen Brooks và Willian Wohlforth, trong bài viết trên tạp chí *International Security (An ninh Quốc tế)*, đã bác bỏ việc nhấn mạnh tầm quan trọng của các tư tưởng đó, viết rằng:

Nếu ý nghĩa và hệ quả của các áp lực vật chất mà Liên Xô phải đối mặt phụ thuộc vào các chuyển biến trong hệ tư tưởng, thì con người với những tư tưởng khác nhau đã phải có những phản ứng chiến lược cực kỳ khác nhau đối với những dấu hiệu có thể quan sát được của các thay đổi vật chất. Nhưng trong trường hợp này thì không phải như vậy. Một số lượng lớn các nhà tư tưởng cũ trong giới quân sự, công nghiệp quốc phòng, bộ ngoại giao, bộ máy Đảng Cộng sản, và KGB về cơ bản đã nhìn thấy những áp lực vật chất tương tự như Gorbachev đã nhìn thấy, và do đó không những chấp nhận mà còn đồng lõa với phản ứng chiến lược của Gorbachev.<sup>12</sup>

Mặc dù việc nhấn mạnh vào các tư tưởng hay thay đổi lãnh đạo, vốn dẫn đến sự loại trừ một nhân tố quan trọng là sự suy yếu lâu dài về tốc độ tăng trưởng kinh tế của Liên Xô, cũng có thể là một sai lầm, nhưng nó vẫn còn đúng hơn cách lý giải trên. Sức nặng của bằng chứng liên quan đến tốc độ tăng trưởng suy giảm của Liên Xô từ những năm 1950 đến những năm 1980 đã chỉ ra rằng một nền kinh tế chỉ huy kém hiệu quả hơn so với một nền kinh tế thị trường – trừ những ngoại lệ quan trọng liên quan đến một số các lĩnh vực được hưởng nhiều ưu đãi, như công nghiệp quân sự, hàng không, và nghiên cứu không gian. Do đó, ta có thể lập luận rằng một loại hình cải cách kinh tế căn bản nào đó là lợi ích dài hạn của toàn bộ người dân Liên Xô. Tuy nhiên, điều không rõ là những cải cách này phục vụ *lợi ích cụ thể của ai* trong giới lãnh đạo Liên Xô. Câu hỏi này cũng hoàn toàn có thể áp dụng vào việc cắt giảm triệt để chi tiêu quốc phòng, bao gồm cả việc cắt giảm quân sự đơn phương. Tại một cuộc họp Bộ Chính trị sau khi Gorbachev và Reagan thất bại trong việc đạt được thỏa thuận tại Thượng đỉnh Reykjavik năm 1986, Chủ tịch KGB Viktor Chebrikov nói: 'Người Mỹ chỉ tư duy dựa trên sức mạnh.'<sup>13</sup>

Quân đội Liên Xô và KGB đã được hưởng lợi từ nền kinh tế Xô-viết chưa cải cách. Các bộ ngành Liên Xô, đặc biệt là những bộ ngành liên quan đến tổ hợp công nghiệp – quân sự, đã có một vị trí an toàn trong hệ thống, vị trí vốn sẽ rơi vào nguy hiểm nếu cải cách thị trường hóa. Và bộ máy Đảng Cộng sản vốn đóng vai trò giám sát trong hệ thống kinh tế (kế hoạch) sẽ trở nên không cần thiết trong nền kinh tế thị trường. Còn đối với giới lãnh đạo của quốc gia này, Liên Xô trở thành cường quốc chỉ một phần là nhờ nó là quốc gia rộng lớn nhất hành tinh, và có nguồn tài nguyên thiên nhiên giàu có. Nguyên nhân chính yếu hơn là do sức mạnh quân sự của nó. Chúng ta khó mà chắc chắn được các bộ phận đặc quyền nhất trong giới lãnh đạo Liên Xô có thể đạt được gì từ các cải cách kinh tế toàn diện hay từ những cắt giảm quân sự đơn phương.

Cán cân các nguồn tài nguyên quan trọng nghiêng về phía có lợi cho Mỹ và bất lợi cho Liên Xô rõ ràng hơn nhiều sau khi Stalin ép buộc các quốc gia Trung –

Đông Âu nằm dưới sự cai trị kiểu Xô-viết và tiếp tục củng cố quyền bá chủ của Liên Xô khắp nửa phía đông của lục địa Châu Âu. Chỉ tới những năm 1970, Liên Xô mới đạt được một nền quân sự hùng mạnh tương đối ngang ngửa Mỹ. Mặc dù suy thoái kinh tế dẫn đến hậu quả dài hạn cho Liên Xô, và thậm chí nếu nước Mỹ của Ronald Reagan bỏ ra nhiều tiền xây dựng lực lượng quân đội hơn rất nhiều so với Liên Xô, thì Liên Xô vẫn sở hữu dư số vũ khí hạt nhân để có thể tiêu diệt Hoa Kỳ - và, thật ra, toàn bộ sự sống trên trái đất. Sáng kiến Phòng thủ Chiến lược (SDI) của Tổng thống Reagan chỉ nằm trên bản vẽ.

Kể cả trong viễn cảnh cực kỳ tươi sáng mà Reagan đưa ra, theo đó những loại vũ khí có tính chất phòng thủ này có thể “biến vũ khí hạt nhân trở nên lỗi thời”, thì tiến trình phát triển đó sẽ phải kéo dài đến 20 năm.<sup>14</sup> Mặc dù rõ ràng SDI đã làm cho Liên Xô phải lo lắng bởi nó có khả năng tạo nên các sản phẩm công nghệ phụ, giám đốc nghiên cứu không gian Liên Xô, Roald Sagdeev, đã chế giễu ý tưởng rằng SDI có thể cung cấp một loại khiên đỡ chống lại một cuộc tấn công tên lửa hướng vào Mỹ.<sup>15</sup> Số lượng tên lửa đạn đạo xuyên lục địa của Liên Xô lúc đó với nhiều đầu đạn cùng lúc sẽ đủ khiến việc Mỹ dựa vào SDI trở nên một sự rủi ro cực kỳ nguy hiểm.

Dưới thời Brezhnev, Andropov và Chernenko, giới lãnh đạo Xô-viết đã phản ứng hoàn toàn tương tự như trong suốt nhiệm kỳ tổng thống đầu tiên của Reagan với những gì họ nhìn nhận là mối đe dọa tăng cường bắt nguồn từ Mỹ. Kể cả với những giả thuyết của Reagan về tính khả thi của chương trình SDI, thì dựa trên thực tế khả năng hủy diệt lẫn nhau (mutually assured destruction – MAD) vẫn sẽ tiếp diễn trong hai thập kỷ nữa, sẽ là khá sai lầm khi tưởng tượng rằng giới lãnh đạo Liên Xô bị ép buộc phải thay đổi chính sách đối ngoại một cách toàn diện. Trên thực tế, nhà lãnh đạo đầu tiên của Liên Xô được lựa chọn (vào năm 1984) sau tuyên bố về chương trình SDI của Reagan năm 1983 là Konstantin Chernenko, và trong suốt nhiệm kỳ lãnh đạo của ông chính sách an ninh và đối ngoại Liên Xô hoàn toàn nằm trong tay các vị bộ trưởng kỳ cựu, Gromyko và Dmitriy Ustinov, Bộ trưởng Quốc phòng (cái chết của ông này vào tháng 12/1984 đã khiến Gorbachev phải cắt ngắn chuyến thăm Anh một ngày).

Mặc dù Gorbachev lúc đó đã trở thành Tổng Bí thư Ủy ban Trung ương, có vai trò giám sát chính sách đối ngoại, và Grigoriy Romanov trở thành Bí thư giám sát quân sự và ngành công nghiệp quốc phòng, nhưng chừng nào Gromyko còn là Bộ trưởng Ngoại giao và Ustinov còn là Bộ trưởng Quốc phòng thì bề dày kinh nghiệm và thâm niên cũng đã tạo dựng cho họ những quyền lực tối cao trong hai lĩnh vực riêng rẽ nhưng có liên kết chặt chẽ này. Ta có thể đặt một câu hỏi chính

đáng là: nếu chính sách mà Gorbachev theo đuổi (như nhiều 'nhà hiện thực' phương Tây đã khẳng định dù chỉ là sau khi mọi việc đã xảy ra) là lựa chọn nghiêm túc duy nhất đối với giới lãnh đạo Liên Xô, thì tại sao những 'nhà hiện thực' cứng rắn như Gromyko và Ustinov (hay cả Brezhnev, Andropov, và thậm chí Chernenko) lại không hề đề cập đến nó trong 5 năm đầu nhiệm kỳ tổng thống của Reagan?

Điều trớ trêu là khi nhấn mạnh tầm quan trọng của các nguồn lực vật chất, một số học giả phương Tây đã đưa ra cách giải thích duy vật lịch sử để lý giải cho sự thay đổi trong chính sách của Liên Xô trong nửa cuối thập kỷ 1980. Sự suy thoái tương đối của kinh tế Liên Xô so với các quốc gia phương Tây phát triển và các quốc gia mới công nghiệp hóa của châu Á rõ ràng là một trong số các nhân tố kích thích những giai đoạn ban đầu của cải cách sau 1985. Tuy nhiên, cải cách kinh tế Liên Xô trong thời kỳ chuẩn bị kết thúc Chiến tranh Lạnh thậm chí còn không theo kịp biến đổi của chính thể Xô-viết.

Điều 'không hề ngẫu nhiên' là phiên họp toàn thể của Ủy ban Trung ương về cải cách chính trị tháng 1/1987 lại diễn ra trước phiên họp về cải cách kinh tế, tổ chức vào tháng 7 cùng năm. Cải cách kinh tế được tiến hành kém triệt để hơn rất nhiều so với cải cách chính trị, trong khi cải cách chính trị chỉ có quan hệ ở mức cảm nhận được với suy thoái kinh tế. Các biện pháp dân chủ hóa được giới thiệu dưới thời Gorbachev – bao gồm đưa ra hàng loạt các quyền tự do và tổ chức các cuộc tranh cử dành cho một cơ quan lập pháp nghiêm túc, hoàn toàn khác với Xô-viết Tối cao trước đó vốn chỉ quen đóng dấu thông qua các quyết định của Đảng – là quan trọng hơn rất nhiều so với cải cách kinh tế trong mối quan hệ với sự kết thúc của Chiến tranh Lạnh.

Cải cách chính trị trong nước, đến lượt nó, lại không được dứt khoát như thay đổi chính sách đối ngoại. Stephen Brooks và William Wohlforth, trong một bài báo khác, đã miêu tả các quốc gia phụ thuộc Liên Xô ở Đông Âu như là 'trường hợp tồi tệ nhất về sự dàn trải sức mạnh đế chế trong lịch sử hiện đại', cho thấy rằng giới lãnh đạo Xô-viết chẳng có lựa chọn nào khác ngoài từ bỏ chúng.<sup>16</sup> Trên thực tế, một đế chế có lãnh thổ liên tục dễ quản lý hơn nhiều những vùng đất xa xôi của Đế chế Anh, bao gồm Ấn Độ và những vùng đất rộng lớn ở châu Á và Châu Phi. Về mặt quân sự và tâm lý, Liên Xô cũng gặp khó khăn hơn trong việc từ bỏ thứ có vẻ vừa là một khu vực đệm, vừa là phần thưởng cho chiến thắng trong Chiến tranh Thế giới lần thứ hai. Vladimir Kryuchkov, người kế nhiệm chức Chủ tịch KGB của Chebrokov vào năm 1988, đã không liều lĩnh phản đối sự thống nhất của Đức vào thời gian đó, nhưng cuối cùng ông cũng thể hiện ý kiến của mình một cách rõ ràng:



Nói chung sự phản bội của M.S. Gorbachev là không có giới hạn. Khi số phận của Đông Đức đang được quyết định, M.S. Gorbachev đã dấn đạp lên các lợi ích của Liên Xô giữa một cách công khai. Ông không cần phải chờ đợi lâu để nhận được lời ca tụng từ phương Tây cho bước đi đó. Năm 1990 cựu Bộ trưởng Ngoại giao Đức, H-D. Genscher đã nói như sau: 'Người Đức sẽ luôn biết ơn Gorbachev vì những gì ông đã làm để biến sự thống nhất của chúng ta trở thành hiện thực'.<sup>17</sup>

Cái chúng ta đang nói đến ở đây không phải là lợi ích, mà là nhận thức về lợi ích. Tính chủ quan của việc đánh giá lợi ích quốc gia có thể được minh họa bởi sự tin tưởng rõ ràng của Kryuchkov rằng việc duy trì tình trạng chia cắt Đức và chống lại ý muốn của phần lớn nhân dân Đức (sau khi dân chủ hóa xuất hiện tại phần còn lại của Trung – Đông Âu) chính là lợi ích của Liên Xô và Nga. Ngược lại, Gorbachev lại tin rằng việc tạo điều kiện cho thống nhất, một khi đòi hỏi đó đã trở nên đủ cấp bách, sẽ có thể tạo ra những mối quan hệ láng giềng tốt đẹp, dài lâu.

### **Người Liên Xô, người Mỹ và bối cảnh**

Để giải thích tạo sao giới lãnh đạo Xô-viết, những người còn lâu mới là 'các nhà tư duy kiểu mới', hoàn toàn tán thành chính sách đối ngoại mà Gorbachev theo đuổi (với sự hậu thuẫn của các nhân vật chính khách quan trọng như Shevardnadze và Yakovlev và, với tư cách cố vấn, Chernyaev và Shakhnazarov), ta cần phải chú ý hơn đến sức mạnh thể chế và các quy chuẩn trong hệ thống của Liên Xô. Khái quát hơn, không thể hiểu được Chiến tranh Lạnh đã kết thúc như thế nào – và tại sao nó kết thúc vào thời điểm đó – khi không có kiến thức về bối cảnh chính trị nội bộ của Liên Xô. Sự thiếu hiểu biết đó sẽ làm hạn chế tính hữu dụng của một số đóng góp vào cuộc tranh luận về sự kết thúc Chiến tranh Lạnh của các nhà nghiên cứu quan hệ quốc tế.

Điều đó còn đúng hơn trong trường hợp đơn giản hóa quá mức và bóp méo sự kết thúc của Chiến tranh Lạnh của một số lượng đáng kể - dù chắc chắn không phải tất cả - những người đã từng phục vụ trong chính quyền Reagan. Các phân tích của Jack Matlock<sup>18</sup> và các hồi ký của George Shultz<sup>19</sup> tương phản mạnh mẽ với sự thiếu hiểu biết của Caspar Weinberger chẳng hạn.<sup>20</sup> Matlock là chuyên gia về Liên Xô tại Hội đồng An ninh Quốc gia từ 1983 đến cuối 1986 và là Đại sứ xuất sắc của Mỹ tại Moscow từ 1987 đến 1991. Ông hiểu rõ hơn bất kỳ ai trong chính quyền Reagan về cách hoạt động của nền chính trị Xô-viết trong bối cảnh đó. Shultz, trong những năm giữ chức Bộ trưởng Ngoại giao, trong các cuộc thảo luận của ông

với Gorbachev và Shevardnadze, đã trải nghiệm trực tiếp sự tiến hóa trong tư duy của các nhân vật chủ chốt của Liên Xô.

Matlock, trong cuốn sách năm 2004 của ông về sự kết thúc Chiến tranh Lạnh, không tán thành câu chuyện hoang đường rằng Ronald Reagan, thông qua tích lũy vũ khí và chiếc ô bảo vệ của SDI, đã hủy diệt Liên Xô và khiến giới lãnh đạo nước này không còn lựa chọn nào khác ngoài chấp nhận nền độc lập của Đông Âu, cắt giảm vũ khí, và chấm dứt Chiến tranh Lạnh. Cũng như Shultz, ông cho rằng Reagan đã muốn đàm phán dựa trên sức mạnh, nhưng ông cũng *thực sự* muốn đàm phán (dù có dựa trên sức mạnh hay không). Matlock phản đối những tuyên bố 'lý giải sau khi mọi việc đã xảy ra' của một số cựu thành viên chính quyền Reagan rằng chính sách này là nhằm 'đạp đổ Liên Xô'. Matlock khẳng định, đúng là Tổng thống Reagan ủng hộ việc tạo áp lực lên Liên Xô, nhưng mục tiêu của ông là khiến cho các nhà lãnh đạo Liên Xô đàm phán các thỏa thuận hợp lý, chứ không phải để làm tan rã quốc gia này.<sup>21</sup>

Nhân tố Reagan đóng vai trò quan trọng trên nhiều phương diện không chỉ bởi vì dù ông đã lắng nghe những người có lập trường cứng rắn cả trong và ngoài chính quyền, cũng như lắng nghe Shultz, nhưng ông lại luôn đặc biệt ưu tiên chính sách đối thoại mà Shultz, trong vai trò Bộ trưởng Ngoại giao, là nhân tố chủ chốt. Tầm quan trọng của Reagan còn nằm ở thực tế rằng tiếng tăm chống Cộng lâu đời của ông đã giúp ông đứng ở thế hòa thuận với các nghị sĩ Cộng hòa bảo thủ và do đó gặp ít khó khăn từ sự chống đối của những chính khách cứng rắn trong nước hơn rất nhiều so với những gì một vị tổng thống đảng Dân chủ có thể phải gặp. Cũng cần chú ý rằng Reagan đã tạo được danh tiếng bởi cá tính và các mối quan hệ cá nhân của ông. Thực tế ông yêu thích và coi trọng Gorbachev đóng một vai trò rất tích cực trong việc tạo điều kiện cho họ đạt đến những thỏa thuận có ảnh hưởng sâu rộng.<sup>22</sup>

Đối lập với cách giải thích cân bằng của Jack Matlock về vai trò của Gorbachev và Reagan trong việc kết thúc Chiến tranh Lạnh (chỉ với một chút thiên vị có thể hiểu được với chính quyền mà ông đã phục vụ), cuốn sách gần đây nhất về Chiến tranh Lạnh của một trong những sử gia uy tín nhất, John Lewis Gaddis, lại thể hiện một cái nhìn truyền thống theo lối Washington về sự kết thúc Chiến tranh Lạnh. Rõ ràng Gaddis đã sai lầm khi nói rằng nếu viên đạn của Hinckley năm 1981 giết chết Reagan, thì Chiến tranh Lạnh đã không chấm dứt bởi 'sẽ không tồn tại một thách thức từ Mỹ đối với nguyên trạng của Chiến tranh Lạnh'.<sup>23</sup>

Quan điểm này đã cường điệu hóa thay đổi định tính trong thái độ của chính quyền Reagan đối với Liên Xô so với các chính quyền Mỹ từ thời Truman cho đến

Carter. Quan trọng hơn, nó đánh giá thấp phạm vi khả năng tự đưa ra nhận định của Gorbachev và các đồng minh “tư duy mới” về những đòi hỏi thay đổi trong hệ thống của họ và trong chính sách đối ngoại Liên Xô mà không có sự tác động từ Washington. Nếu bỏ qua tiên đề đáng ngờ rằng thay đổi này chủ yếu bắt nguồn từ Reagan, thì nó cũng chứa đựng một cách nhìn bi quan hơn về hệ thống chính trị Mỹ. Gaddis có vẻ muốn nói rằng không một vị tổng thống nào khác có thể có khả năng ứng phó với thay đổi tại Moscow.

Nếu vụ mưu sát Reagan thành công thì người kế nhiệm ông tất nhiên sẽ là Tổng thống George H.W. Bush. Khi Bush cuối cùng cũng kế nhiệm Reagan, có một thời gian tạm lắng trong nền ngoại giao chủ động của Mỹ, nhưng ông cũng kịp thiết lập quan hệ tin tưởng với Gorbachev. Nếu từ Phòng Bầu dục ông từng trải nghiệm được sự tuyệt vọng trong việc cố gắng tạo bước tiến với Brezhnev, Andropov và Chernenko, thì Bush đã có thể hợp tác với Gorbachev sớm hơn. Bất cứ vị tổng thống Mỹ nào với một chút óc xét đoán bình thường thì cũng có thể cùng với Gorbachev, trên cương vị một đối tác, lèo lái sự kết thúc của Chiến tranh Lạnh. Đúng là đáng lẽ Bush – vẫn còn mang đậm chất Dân chủ - đã gặp khó khăn hơn trong việc thuyết phục các chính khách cứng rắn của Washington rằng Liên Xô đang tìm kiếm không chỉ đơn thuần một không gian nghỉ xả hơi trước khi tiếp tục theo đuổi mục tiêu thống trị thế giới. Tuy nhiên, không có vẻ gì là các chính trị gia cứng rắn sẽ thắng thế, bởi sự yêu thích Gorbachev của người dân Mỹ ngày càng gia tăng, trái ngược với “hình ảnh kẻ thù”, và quan điểm của chính phủ và quần chúng châu Âu vẫn nhiệt tình ủng hộ tiến hành đối thoại và đàm phán với Gorbachev.

Quay trở lại phía Liên Xô, ý tưởng cho rằng Liên Xô không có lựa chọn nào khác ngoài theo đuổi kiểu chính sách đối ngoại của Gorbachev, cũng như sự khẳng định rằng không có sự đồng thuận trong giới lãnh đạo Xô-viết ủng hộ điều đó, đều không thể vượt qua được những phân tích nghiêm túc. Trong Bộ Chính trị, Gorbachev là người duy nhất duy trì những tư tưởng mà ông đã hình thành từ năm 1985. Ông trở thành Tổng Bí thư không phải vì Bộ Chính trị quyết định họ cần một ‘chính khách có tư tưởng mềm mỏng’, như Richard Pipes đã khẳng định,<sup>24</sup> mà vì ông đã khéo léo thiết lập vị thế của mình trong vai trò Bí thư thứ hai cho Chernenko và đã dấu diếm những tư duy cấp tiến hơn một cách cẩn thận trước các đồng nghiệp Bộ Chính trị của mình. Những quan điểm của Viktor Grishin và Grigoriy Romanov được biết đến rất nhiều. Cả hai đều mong muốn được kế nhiệm Chernenko, nhưng cả hai đều bị Gorbachev qua mặt về vị thế và mưu lược. Vào buổi tối Chernenko chết, Gorbachev không hề tỏ ra một chút thiếu quyết đoán nào vốn đôi khi được quy cho ông. Ông đã triệu tập một cuộc họp Bộ Chính trị trong buổi tối hôm đó. Chưa đầy 24 tiếng sau cái chết của Chernenko, không chỉ Bộ

Chính trị mà cả Ủy ban Trung ương vốn được nhanh chóng triệu tập đã nhất trí bầu ông làm tân lãnh đạo của Liên Xô.<sup>25</sup>

## Chủ nghĩa hiện thực và chủ nghĩa lý tưởng

Một quan niệm truyền thống về lợi ích quốc gia của Liên Xô, vốn đã thịnh hành vào thời điểm Gorbachev trở thành Tổng Bí thư, là Liên Xô kiểm soát được càng nhiều vùng lãnh thổ Đông Âu và xa hơn thế (về chính trị, quân sự, và hệ tư tưởng) thì càng tốt, và nó tích lũy được càng nhiều vũ khí thì nó càng được nể trọng. Khi Gorbachev trình dự thảo báo cáo Đại hội Đảng lần thứ XIX, lên một cuộc họp Bộ Chính trị vào ngày 20/6/1988 để các thành viên đóng góp ý kiến, ông đã chỉ ra rằng trong bản thảo đầu tiên của một đoạn về việc giảm nguy cơ chiến tranh hạt nhân, đoạn văn đã viết rằng đó là 'nhờ vào sức mạnh [quân sự] của ta' (*blagodarya nashey sile*). Ông cho rằng điều đó là không chính xác, mà nên là 'nhờ vào tư duy mới'.<sup>26</sup>

Gorbachev đã miêu tả sự nhấn mạnh này là theo chủ nghĩa hiện thực,<sup>27</sup> nhưng sự nhấn mạnh của ông đối với việc xóa bỏ các nguyên nhân dẫn đến xung đột – và sự chuyển đổi học thuyết rõ rệt khỏi những khác biệt giai cấp và hệ tư tưởng vốn không thể hòa giải được sang việc ủng hộ các lợi ích và giá trị nhân loại toàn cầu – không phải là kiểu 'chủ nghĩa hiện thực' chung chung thường được tìm thấy trong các trường phái hiện thực và tân hiện thực của các lý thuyết gia về quan hệ quốc tế. Trong những suy ngẫm gần đây nhất của ông về *perestroika*, Gorbachev miêu tả tư duy mới, trong cả chính sách đối nội và đối ngoại, là 'một nỗ lực nhằm suy nghĩ và hành động phù hợp với *lý trí thông thường* của con người bình thường'.<sup>28</sup>

Chính sách đối ngoại của Gorbachev, dù ông tự cho là theo chủ nghĩa hiện thực và lý trí thông thường, vẫn mang tính lý tưởng trên nhiều khía cạnh. Mặc dù sẵn sàng sử dụng vũ lực như một phương thức cuối cùng, ông luôn khao khát tìm kiếm thỏa thuận thông qua đàm phán. Do đó, dù rất cuộc ông ủng hộ phản ứng quân sự của Mỹ trong việc buộc quân đội Iraq của Saddam Hussein rút khỏi Kuwait năm 1991, ông đã từng muốn ngăn cản chiến tranh bằng cách sử dụng Yevgeniy Primakov, người có địa vị chính trị cao và giàu kinh nghiệm về thế giới Ả-rập (bao gồm mối quen biết lâu dài với Saddam), như một đặc phái viên để thuyết phục Saddam rút quân và từ đó tránh được xung đột vũ trang. Nói chung, Gorbachev rất nghiêm túc về việc thiết lập một trật tự thế giới mới và thậm chí một trật tự trong đó hoàn toàn không có vũ khí hạt nhân. Như George Shultz là một trong số nhiều người đã nhấn mạnh, thảm họa Cherbobyl có một ảnh hưởng sâu

sắc tới Gorbachev và giúp củng cố tư tưởng chống hạt nhân trong tư duy của ông.<sup>29</sup>

Thay vì mục đích trước kia của Liên Xô là mở rộng chủ nghĩa Cộng sản ra khắp thế giới, Gorbachev nhìn nhận thế giới có sự phụ thuộc lẫn nhau, trong đó các lợi ích và giá trị chung cho toàn nhân loại được đặt lên trên tất cả các lợi ích và giá trị khác. Do những vấn đề của thời đại khi đó, với sự đe dọa hạt nhân luôn được đặt ở vị trí hàng đầu trong tâm trí ông, điều này đòi hỏi hợp tác vượt qua sự chia rẽ ý thức hệ cũ. Như ông đã bổ sung sau đó, tư duy mới là 'việc thừa nhận có tồn tại một thế giới đơn nhất liên kết và phụ thuộc lẫn nhau... Đó là một thế giới phức tạp và chứa đầy mâu thuẫn, nhưng nó là một thể thống nhất, không thể chia rẽ... Nhưng hợp tác, và cuối cùng là đối tác, không thể đẩy xung đột ra xa nếu sự chia rẽ thế giới thành các khối chính trị - quân sự đối nghịch nhau vẫn còn tồn tại'.<sup>30</sup> Chủ nghĩa hiện thực ẩn dưới chủ nghĩa lý tưởng được thể hiện ở Gorbachev khi ông nói: 'Cội nguồn của tư duy mới nằm ở sự thấu hiểu rằng sẽ không có kẻ chiến thắng trong chiến tranh hạt nhân và rằng trong bất cứ sự kiện nào như vậy thì cả hai 'phe' đều sẽ bị thổi bay sang thế giới bên kia'.<sup>31</sup>

Nhận thức của Gorbachev về lợi ích của Liên Xô là hoàn toàn khác với các thành viên khác của Bộ Chính trị, mặc dù những người này đã bắt đầu cân nhắc lại lập trường của họ khi Gorbachev trở thành lãnh đạo đảng, bởi hệ thống Xô-viết vẫn rất tôn trọng thứ bậc. Thay vì tin rằng Liên Xô cần phải tiêu tốn nhiều hơn vào lực lượng vũ trang để bắt kịp Mỹ, Gorbachev lại chú trọng giải quyết các mâu thuẫn quốc tế chính yếu và biến chi phí quân sự khổng lồ như vậy trở nên không cần thiết. Tuy vậy mối quan tâm chính trong chính sách đối ngoại của ông năm 1985 – và đặc biệt là sau thảm họa Chernobyl năm 1986 – không phải là vấn đề ngân sách, mà là ngăn chặn chiến tranh hạt nhân.

Gorbachev hoàn toàn hiểu rằng những thời kỳ căng thẳng cao độ, chiến tranh có thể xảy ra do ngẫu nhiên hoặc cố ý. Tới năm 1983 vẫn xuất hiện những lo ngại thực sự tại Moscow về việc có thể Mỹ đang chuẩn bị cho một cuộc tấn công phòng ngừa vào Liên Xô và luận điệu chống Cộng được tăng cường của Reagan là một kiểu chuẩn bị tâm lý cho công chúng phương Tây về sự kiện này. Giám điệp hai mang của Anh tại KGB, Oleg Gordievsky, đã báo cáo những lo ngại này với cấp trên của ông tại London, và do đó một cuộc diễn tập của NATO đã được thay đổi để làm rõ rằng đó sẽ không phải là một cuộc tấn công hạt nhân ra tay trước được nguy trang.<sup>32</sup>

Các nhà lãnh đạo phương Tây, với một ngoại lệ điển hình là Ronald Reagan, nhận thấy khó mà tin được rằng Gorbachev nghiêm túc trong ý định đã tuyên bố

của ông về nỗ lực xóa bỏ vũ khí hạt nhân vào năm 2000. Ấy thế mà, trên thực tế, Gorbachev lại cực kỳ nghiêm túc về vấn đề này. Sau vụ Chernobyl, ông tuyên bố cả trong nhóm cố vấn của ông và trước Bộ Chính trị về việc sự cố tại nhà máy điện hạt nhân này đã củng cố niềm tin của ông về tính cấp thiết phải xóa bỏ hoàn toàn vũ khí hạt nhân như thế nào. Đó chắc chắn không phải là 'chủ nghĩa hiện thực' với nghĩa mà thuật ngữ này thường được sử dụng trong ngôn ngữ học thuật, mà nói đúng hơn, đó là một đặc trưng của chính sách đối ngoại về bản chất mang tính lý tưởng mà Gorbachev theo đuổi.

Sau Thượng đỉnh Reykjavik, Gorbachev tuyên bố với Bộ Chính trị vào giữa tháng 10/1986 rằng một 'tình hình mới về chất' đã nổi lên. Cần phải 'mở rộng hơn nữa cuộc chiến thủ tiêu và cấm hoàn toàn vũ khí hạt nhân...'.<sup>33</sup> Aleksandr Bessmertnykh, người giữ chức Bộ trưởng Bộ Ngoại giao Liên Xô trong 8 tháng đầu năm 1991, và trước đó là thành viên có ảnh hưởng trong các cuộc đàm phán cắt giảm vũ trang, đã nói về phát hiện của Gorbachev trong những năm 1985 – 1986 rằng 'nhiều nhà lãnh đạo của cả hai phe' vẫn giữ 'những quan điểm về thế giới tiền hạt nhân' trong thời kỳ mà 'ba mươi ngàn đầu đạn hạt nhân đang nằm trong kho của cả hai phe'. Theo Bessmertnykh, đây chính là lý do tại sao Gorbachev coi ưu tiên đầu tiên của ông là 'mời các quốc gia khác cùng chống lại Chiến tranh Lạnh như một kẻ thù chung'.<sup>34</sup>

Một vài trong số những người mong muốn cứu vãn cách giải thích "hiện thực" về kết thúc Chiến tranh lạnh, và ở đây tôi xin nhấn mạnh lại là William Wohlforth, lần này cùng với James Davis làm đồng tác giả của ông, đưa ra ý kiến rằng 'không một nhà tư duy kiểu cũ nào từng ủng hộ việc sử dụng vũ trang vào năm 1989, và cũng không có ai kể từ đó từng nói rằng một quyết định như vậy là phục vụ cho lợi ích của Liên Xô'.<sup>35</sup> Họ liên hệ điều này với sự suy yếu kéo dài trong tốc độ phát triển kinh tế của Liên Xô, một điểm mà tôi đã chỉ ra. Các tác giả tương tự cũng khẳng định 'rằng những người theo đường lối cứng rắn như Kryuchkov và Yazov cũng không hề sẵn sàng sử dụng vũ lực trên quy mô lớn để giải cứu Đông Đức năm 1989.

Tất cả những bằng chứng này làm cho khó có thể chống đỡ được giả thuyết trái thực tế rằng sự thống nhất của Đức đã không xảy ra nếu Gorbachev không lên nắm quyền'.<sup>36</sup> Phần cuối trong tuyên bố đó là một kết luận phi logic. Đúng là trong năm 1989, không một thành viên nào của nhóm lãnh đạo hàng đầu trong Bộ Chính trị cũng như quần chúng nhân dân ủng hộ việc sử dụng vũ lực ở Đức hay bất cứ nơi nào khác tại Trung – Đông Âu. Tuy nhiên, những thay đổi trong tư duy và hành động của Liên Xô vốn đã thay đổi toàn bộ môi trường chính trị ở Trung – Đông Âu

chính là công trình của Gorbachev và những đồng minh 'tư duy mới' thân cận nhất của ông, cụ thể là (ở cấp độ Bộ Chính trị) Aleksandr Yakovlev, Eduard Shevardnadze và Vadim Medvedev. Năm 1985, trong đầu người dân ở các nước khối Vacsava chưa hề tồn tại ý tưởng rằng cuối thập kỷ đó họ có thể đang sống trong những quốc gia độc lập, phi Cộng sản.

Một nước Đức thống nhất là kết quả của những kỳ vọng được củng cố của người dân Đức xuất phát từ những diễn biến xảy ra trên toàn bộ vùng Trung – Đông Âu trong năm 1989. Những kỳ vọng này là kết quả trực tiếp của sự tự do hóa và dân chủ hóa tại Moscow và sự xóa bỏ dứt khoát 'học thuyết Brezhnev' của Gorbachev – phát biểu của ông về 'quyền lựa chọn' năm 1988.<sup>37</sup> Thất bại của những người có địa vị cao tại Moscow vốn phản đối những sự kiện ở châu Âu để nhấn mạnh lập luận của họ cũng cần được xem xét một phần trong bối cảnh cuộc cách mạng nhận thức đã xuất hiện ở Liên Xô những năm 1985 – 1989.

Mặc dù các tư tưởng và khái niệm đổi mới được ươm mầm trong một khoảng thời gian dài, nhưng tư duy này chỉ trở nên ít miễn cưỡng hơn sau khi Gorbachev lên nắm quyền.<sup>38</sup> Cuộc cách mạng nhận thức, hay *perestroika* nói chung, ở nhiều khía cạnh cũng là một cuộc cách mạng từ trên xuống. Nó được khích lệ bởi ngữ vựng mới về chính trị mà Gorbachev sử dụng và sự ủng hộ của ông, cũng như những ngôn ngữ (theo hướng cởi mở, khuyến khích tự do báo chí – NBT) của Yakovlev dành cho các biên tập viên mạnh dạn hơn của các tuần báo và tạp chí. Đây là toàn bộ bối cảnh cuộc cách mạng của những kỳ vọng đang nổi lên ở Đông Âu. Ý tưởng cho rằng một Grishin hay một Romanov – hay bất cứ thành viên còn sống sót nào khác của Bộ Chính trị thời Chernenko – cũng sẽ ít nhiều khích lệ sự phát triển của những kỳ vọng này là hoàn toàn trái với những gì chúng ta biết về suy nghĩ của các nhà 'tư duy cũ' này.

Trước khi những kỳ vọng này lên cao, sự đe dọa vũ lực treo lơ lửng (từ Liên Xô) đã đủ để giữ Đông Âu dưới sự cai trị của Chủ nghĩa Cộng sản. Thậm chí ở Ba Lan, "doanh trại" bất trị nhất trong khối, phong trào Đoàn kết chỉ có thể tồn tại dưới dạng phong trào bí mật hạn chế (tổ chức hội họp ở các giáo đường nhà thờ) sau sự áp đặt thiết quân luật vào tháng 12/1981. Điều đó không thay đổi cho đến năm 1988, theo sau các chuyển biến tại Moscow. Gorbachev đã đưa ra những tư tưởng mới và tận dụng sức mạnh thể chế của ông đến mức cao nhất, đóng góp lớn vào môi trường chính trị vốn đã biến đổi ở cả Liên Xô và Trung – Đông Âu. Việc thiết lập chương trình nghị sự của ông được hỗ trợ bởi thẩm quyền trong nước rất lớn trên cương vị Tổng Bí thư Ủy ban Trung ương của Đảng Cộng sản Liên Xô.<sup>39</sup>

Trên nhiều khía cạnh, tranh luận về việc liệu tư tưởng hay lợi ích quyết định các chuyển biến trong chính sách đối ngoại (của Liên Xô) đã dựa trên một cặp đôi yếu tố sai lầm. Các lợi ích có thể được hiểu theo nhiều cách khác nhau. Chỉ có Gorbachev trong thành phần Bộ Chính trị dưới thời Chernenko là không hài lòng với nhận thức của Gromyko về các lợi ích và việc thực hiện chính sách đối ngoại của Liên Xô.

Tất nhiên, thể hiện như vậy vào thời điểm đó thì sẽ đặt dấu chấm hết ngay lập tức cho con đường thăng quan tiến chức của ông trong Đảng Cộng sản Liên Xô. Nhưng cách lựa chọn các cố vấn của ông (với Aleksandr Yakovlev đã là một cố vấn không chính thức trước khi Gorbachev trở thành Tổng Bí thư) và việc ông thay chức Bộ trưởng Ngoại giao của Gromyko (như Gromyko đã biết từ trước) không phải bằng một trong số những cấp phó của Gromyko (những người sẽ đại diện cho sự tiếp nối trong chính sách) mà bằng một người mới là Shervardnadze đã thể hiện rõ ràng rằng Gorbachev rất muốn đánh giá lại các nguyên tắc trong chính sách đối ngoại. Quan điểm của Gromyko, một sản phẩm của kỷ nguyên khác, đã được tổng kết bởi Anetoliy Dobrynin, một Đại sứ Liên Xô phục vụ lâu năm tại Washington, người đã trở thành Bí thư Ủy ban Trung ương và trưởng Ban Đối ngoại dưới thời Gorbachev. Dobrynin viết:

Ưu tiên hàng đầu [của Gromyko] là bảo vệ các lợi ích quốc gia của ta như cách ông nhìn nhận và trên hết là gìn giữ thành quả của ta trong cuộc chiến khốc liệt đánh bại Đức Quốc xã. Là một học trò của Stalin, ông không quá đề cao vai trò của các yếu tố đạo đức trong chính sách đối ngoại, chẳng hạn như quyền con người.... Ông không tin rằng những khái niệm trừu tượng như vậy lại có thể là một nhân tố chủ chốt trong chính sách, hay trong khả năng đạt được các thỏa thuận sớm và cấp tiến với phương Tây.<sup>40</sup>

Gorbachev đã thể hiện rất nhiều kỹ năng chính trị trong việc vượt qua sự chống đối của phe quân đội cũng như sự miễn cưỡng của các nhà ngoại giao theo trường phái Gromyko trong việc tán thành những hành động táo bạo của ông trong lĩnh vực kiểm soát vũ khí. Ông đã tận dụng sự kiện hạ cánh bất ngờ của chàng trai Tây Đức trẻ tuổi Matthias Rust vào tháng 5/1987 để loại bỏ Bộ trưởng Quốc phòng Sergei Sokolov và thay thế ông này bằng Dmitriy Yazov, người mà như Dobrynin nói, 'hầu như không biết gì về các cuộc đàm phán giải trừ quân bị'.<sup>41</sup> Do đó, như Dobrynin tiếp tục:

Sự chống đối của quân đội đã trở nên ôn hòa hơn. Theo sau Sokolov, khoảng một trăm vị tướng tá, các nhà lãnh đạo quân sự bảo thủ vốn từng phản đối những cải cách của Gorbachev và tư tưởng nhượng bộ đối với Mỹ cũng đã nghỉ hưu. Nhưng lực lượng quân đội nói chung vẫn



có sự bất mãn với Gorbachev, và điều này sẽ được thể hiện nhiều lần nữa.<sup>42</sup>

Tuy nhiên, đối lập với thần thoại Nga hậu Xô-viết, Gorbachev là một trong số những chính khách được lòng dân nhất ở Nga cho đến suốt năm 1989. Cho mãi đến tháng 5 – 6/1990 thì Yeltsin mới vượt qua ông (về mức độ được lòng dân), theo một khảo sát đáng tin cậy nhất lúc đó được tiến hành bởi VTsIOM, một tổ chức trưng cầu dân ý thành lập năm 1988 trong đó Tatiana Zaslavskaya là Giám đốc đầu tiên và Boris Grushin và Yuriy Levada là các nhà nghiên cứu chủ chốt.<sup>43</sup> Chuyến viếng thăm hữu nghị của Tổng thống Reagan tới Moscow năm 1988 có vẻ là minh chứng cho thấy mối đe dọa chiến tranh hạt nhân đã biến mất. Việc chính sách đối ngoại của Gorbachev được lòng dân đã khiến cho các thành phần bất mãn trong giới lãnh đạo khó mà thể hiện sự phản đối của mình một cách công khai. Với sự xuất hiện của các khảo sát nghiêm túc và quan trọng hơn nữa là các cuộc bầu cử cạnh tranh, thì ý kiến của quần chúng nhân dân đã bắt đầu được coi trọng.<sup>44</sup>

## Kết luận

Chiến tranh Lạnh bắt đầu với việc Stalin áp đặt các chế độ kiểu Xô-viết lên Đông Âu. Nó chấm dứt vào năm 1989 khi các quốc gia Đông Âu được phép giành quyền độc lập một cách hòa bình. Không một tiếng súng nào phát ra từ phía các quân nhân Xô-viết. Trên tất cả, sự biến đổi chóng mặt của các sự kiện này được tạo ra bởi một sự thay đổi lãnh đạo tại Liên Xô, người đã sử dụng quyền bổ nhiệm của mình để thay thế đội ngũ hoạch định chính sách đối ngoại hàng đầu và đưa một yếu tố đáng ngạc nhiên của chủ nghĩa lý tưởng vào các mối quan hệ với phần còn lại của thế giới, thay thế sự kết hợp cũ không mấy hứa hẹn giữa giáo điều Lê-nin-nít và *Realpolitik* (chính trị thực dụng).

Về phía phương Tây, mặc dù vai trò của khả năng quân sự vẫn quan trọng, nhưng nó vẫn ít quan trọng bằng thực tế rằng các quốc gia dân chủ phi Cộng sản đã có tự do chính trị lớn với sự thịnh vượng kinh tế và an sinh xã hội vững chắc hơn rất nhiều so với các nước thuộc châu Âu Cộng sản. Sự tiếp xúc trực tiếp với các quốc gia phương Tây của nhiều nhân vật sau đó đóng vai trò chủ chốt trong việc xây dựng chính sách đối ngoại Liên Xô trong những năm thực hiện *perestroika* – mà Gorbachev là một trong số đó – có một ảnh hưởng cực kỳ quan trọng lên cách nhìn nhận thế giới của họ.<sup>45</sup>

Các nguyên nhân thay đổi cũng được tìm thấy trong một tập hợp phụ thuộc lẫn nhau giữa tư tưởng, giới lãnh đạo, và sức mạnh thể chế. Sự chán nản lúc này

lúc khác của Harry Truman đối với sự hạn chế trong sức mạnh của tổng thống Mỹ được diễn đạt lại một cách nổi tiếng bởi Richard Neustadt: ‘*Sức mạnh* tổng thống là sức mạnh thuyết phục’.<sup>46</sup> Mikhail Gorbachev sở hữu sức mạnh thuyết phục vượt trội – và ông đã sử dụng ‘sức mạnh thuyết phục’ ở mức độ cao nhất, tới một mức độ còn lớn hơn vị tổng thống Mỹ vốn hoạt động trong một hệ thống phân chia quyền lực. Trong trường hợp của Gorbachev, những điều này được hậu thuẫn bởi một thứ quyền lực và thẩm quyền to lớn thông qua chức vụ ông nắm giữ.

Nguyên nhân lâu dài dẫn đến kết thúc Chiến tranh Lạnh bao gồm thực tế rõ ràng rằng các nền dân chủ, bất chấp tất cả sự thiếu hoàn thiện của chúng, hóa ra lại là những xã hội công bằng hơn, hiệu quả hơn, thịnh vượng hơn và chắc chắn là tự do hơn so với những chế độ Cộng sản của Liên Xô và Đông Âu. Nếu muốn Chiến tranh Lạnh kết thúc một cách hòa bình thì cần có những chuyển biến lớn hơn về các thể chế nhà nước và xã hội nằm dưới quyền lãnh đạo của chủ nghĩa Cộng sản chứ không phải ở Tây Âu hay Bắc Mỹ.

Tuy nhiên, vấn đề được giải quyết trong bài viết này là tại sao Chiến tranh Lạnh lại kết thúc như cách nó đã kết thúc. Phản ứng mang tính xây dựng từ phía Mỹ trong các cuộc đàm phán giữa hai cường quốc đối thủ từ 1985 đến 1990 – với trước tiên là Reagan và Shultz ở vai trò dẫn dắt và sau đó là Bush cha và James Baker là nhân tố chủ chốt – đã đóng một phần quan trọng trong việc chấm dứt tình trạng căng thẳng. Tuy nhiên, các nhân tố mang tính quyết định hơn lại đến từ sức mạnh của Gorbachev, việc ông bổ nhiệm một đội ngũ hoạch định chính sách đối ngoại mới chia sẻ cùng một hệ giá trị với ông, và sự sẵn sàng của Gorbachev trong việc tự do hóa hệ thống Xô-viết và sau đó là tiến hành dân chủ hóa. Đến lượt nó, sự bác bỏ của ông đối với các yếu tố ý thức hệ làm nền tảng cho xung đột Đông – Tây đã dẫn tới việc nhấn mạnh sự tự do lựa chọn và bác bỏ hoàn toàn việc sử dụng vũ lực nhằm duy trì các chế độ trung thành với Moscow. Bắt đầu từ đây, sự kết thúc chia cắt châu Âu đã đánh dấu sự chấm dứt của Chiến tranh Lạnh.

## Chú thích

[1] Tất cả những vấn đề này được đề cập trong cuốn sách sắp tới của tôi, *Seven Years that Changed the World*. Lập luận trong bài viết này được phát triển nhiều hơn trong chương chín (‘Ending the Cold War’) của cuốn sách. Tôi xin thể hiện sự biết ơn của mình tới quỹ Gorbachev Foundation, Moscow, Phòng Lưu trữ An ninh Quốc gia, Washington.DC, và Hoover Institution, Đại học Stanford, vì đã đồng ý cho tôi sử dụng tài liệu.

- [2] Grachev *et al.*, *1985– 2005*, 54 (italics in original).
- [3] Shakhnazarov, *Tsena svobody*, 3.
- [4] Grachev *et al.*, *1985– 2005*, 175.
- [5] Như trên, 53.
- [6] Gorbachev, *Ponyat' perestroyku*, 70.
- [7] Gorbachev, "O nekotorykh aktual'nykh voprosakh sotrudnichestva s sotsranami, 26 Iyunya 1986g."
- [8] Shevardnadze, *The Future Belongs to Freedom*, 26.
- [9] Chernyaev Diary 1985, entry for 17 October 1985.
- [10] Như trên.
- [11] Xem Gorbachev, *Izbrannye rechi i stat'i*, vol. 6 (1989), 323– 397 at 347; vol. 7 (1990), 184–202 at 188.
- [12] Brooks and Wohlforth, "Power, Globalization, and the End of the Cold War," 44.
- [13] "Zasedanie Politbyuro TsK KPSS, 14 oktyabrya 1986 goda," Volkogonov Collection, R9744, National Security Archive.
- [14] Reagan, *An American Life*, 571.
- [15] Sagdeev, *The Making of a Soviet Scientist*, 273.
- [16] Brooks and Wohlforth, "From Old Thinking to New Thinking in Qualitative Research," 95.
- [17] Kryuchkov, *Lichnost i vlast'*, 174.
- [18] Matlock, *Autopsy on an Empire*; and, especially, Matlock, Reagan and Gorbachev.
- [19] See Shultz, *Turmoil and Triumph*. See also Shultz interview of 20 June 2000, Hoover Institution Oral History Project, Hoover Institution Archives (HIA), Acc. No. 98067-16.305.
- [20] Weinberger, trong bài phát biểu ngày 20/10/1998, nói về Gorbachev: 'Tôi không nghĩ ông ấy đã từng thay đổi triết lý của ông. Ông đã nói nhiều về *perestroika*, công khai thẳng thắn, và tất cả những thứ như vậy, nhưng không chưa bao giờ thực sự thay đổi'. Xem Weinberger interview, Hoover Institution Oral History Project, Acc. No. 98067-16.305, HIA.

- [21] Matlock, *Reagan and Gorbachev*, 75–6.
- [22] Reagan, *An American Life*, 635.
- [23] Gaddis, *The Cold War*, 222.
- [24] Pipes, “Misinterpreting the Cold War,” 158.
- [25] Brown, *The Gorbachev Factor*, 84–8.
- [26] “Politbyuro 20 Iyunya 1988 goda, Obsuzhdenie proekta doklada Gorbacheva k XI partkonferentsii,” notes of Anatoliy Chernyaev, Gorbachev Foundation Archives.
- [27] Như trên.
- [28] Gorbachev, *Ponyat’ perestroyku*, 39 (emphasis in original).
- [29] Ronald Reagan trích dẫn hoàn toàn một bản ghi nhớ từ Shultz trong đó vị Bộ trưởng Ngoại giao nói ông ‘bị ấn tượng bởi ảnh hưởng sâu đậm của tai nạn Chernobyl đối với Gorbachev’. Nó đã để lại cho ông ‘một xu hướng bài hạt nhân mạnh mẽ’ (Reagan, *An American Life*, 710 – 11). Xem thêm Shultz, *Turmoil and Triumph*, 724.
- [30] Gorbachev and Mlynar, *Conversations with Gorbachev*, 139.
- [31] Như trên.
- [32] Xem Howe, *Conflict of Loyalty*, 350; và Gates, *From the Shadows*, 272.
- [33] “Zasedanie Politbyuro TsK KPSS 14 oktyabrya 1986 goda,” Volkogonov Collection, R9744, National Security Archive.
- [34] Trong Grachev *et al.*, 1985–2005, 149.
- [35] Davis and Wohlforth, “German Unification,” 138.
- [36] Như trên, 148.
- [37] Trên thực tế, như đã nói từ trước, Gorbachev, từ khi bắt đầu chức vị Tổng Bí thư của mình, đã luôn quyết tâm đặt quan hệ với Đông Âu trên một bệ đứng mới, mặc dù ông dự tính vào thời điểm đó về những mối quan hệ hợp tác chính thống hơn là những đổ vỡ căn bản với Liên Xô chuẩn bị xuất hiện vào năm 1989.
- [38] Brown, *The Gorbachev Factor*, esp. chapters 4 and 7; English, *Russia and the Idea of the West*; and Brown, *The Demise of Marxism-Leninism in Russia*.
- [39] Brown, *Seven Years that Changed the World*.

- [40] Dobrynin, *In Confidence*, 574.
- [41] Như trên, 626.
- [42] Như trên.
- [43] *Reytingi Borisa Yel'tsina i Mikhaila Gorbacheva po 10-bal'noy skale*. Moscow: VTsIOM, 1993.
- [44] Palazchenko, *My Years with Gorbachev and Shevardnadze*, 372.
- [45] Cả tầm quan trọng của đội ngũ chính sách đối ngoại mới trong những năm *perestroika* và tầm ảnh hưởng của nhiều thành viên của nó trong việc nhìn nhận các quốc gia phương Tây được thảo luận trong Brown, *The Gorbachev Factor*, và đặc biệt trong cuốn sách sắp tới của tôi, *Seven Years that Changed the World*.
- [46] Neustadt, *Presidential Power*, 9– 10.

### Tài liệu tham khảo

- Brooks, Stephen G. and William C. Wohlforth. "Power, Globalization, and the End of the Cold War: Reevaluating a Landmark Case for Ideas." *International Security* 25, no. 3 (2000– 2001): 5– 53.
- . "From Old Thinking to New Thinking in Qualitative Research." *International Security* 26, no. 4 (Spring 2002): 93– 111.
- Brown, Archie. *The Gorbachev Factor*. Oxford: Oxford University Press, 1996.
- , ed. *The Demise of Marxism-Leninism in Russia*. London: Palgrave Macmillan, 2004.
- . *Seven Years that Changed the World: Perestroika in Perspective*. Oxford: Oxford University Press, 2007.
- Chernyaev, Anatoliy S. *Diary 1985*. National Security Archive. Available from <http://www.gwu.edu/,nsarchiv>; INTERNET.
- Davis, James W. and William C. Wohlforth. "German Unification." In *Ending the Cold War: Interpretations, Causation, and the Study of International Relations*, edited by Richard K. Herrmann and Richard Ned Lebow. New York: Palgrave Macmillan, 2004.
- Dobrynin, Anatoly. *In Confidence: Moscow's Ambassador to America's Six Cold War Presidents*. New York: Random House, 1995.

- English, Robert D. *Russia and the Idea of the West: Gorbachev, Intellectuals, and the End of the Cold War*. New York: Columbia University Press, 2000.
- Gaddis, John Lewis. *The Cold War: A New History*. New York: Penguin Press, 2005.
- Gates, Robert M. *From the Shadows: The Ultimate Insider's Story of Five Presidents and How They Won the Cold War*. New York: Simon and Schuster, 1996.
- Gorbachev, Mikhail. *Izbrannye rechi i stat'i*. 7 vols. Moscow: Politizdat, 1987– 90.
- . "O nekotorykh aktual'nykh voprosakh sotrudnichestva s sotsranami, 26 Iyunya 1986 g." Volkogonov Collection, R10049, National Security Archive.
- . *Ponyat' perestroyku... pochemu eto vazhno seychas*. Moscow: Al'pina Biznes Buks, 2006.
- Gorbachev, Mikhail and Zdeněk Mlynař. *Conversations with Gorbachev: On Perestroika, the Prague Spring, and the Crossroads of Socialism*. New York: Columbia University Press, 2002.
- Grachev, Andrei, Chiara Blengino and Rossella Stievano, eds. *1985– 2005: Twenty Years that Changed the World*. Rome: World Political Forum and Editoria Laterza, 2005.
- Herrmann, Richard K. and Richard Ned Lebow, eds. *Ending the Cold War: Interpretations, Causation, and the Study of International Relations*. New York: Palgrave Macmillan, 2004.
- Howe, Geoffrey. *Conflict of Loyalty*. London: Macmillan, 1994.
- Kryuchkov, Vladimir. *Lichnost' i vlast'*. Moscow: Prosveshchenie, 2004.
- Matlock Jack F., Jr. *Autopsy on an Empire: The American Ambassador's Account of the Collapse of the Soviet Union*. New York: Random House, 1995.
- . *Reagan and Gorbachev: How the Cold War Ended*. New York: Random House, 2004.
- Neustadt, Richard E. *Presidential Power: The Politics of Leadership from FDR to Carter*. 2nd ed. New York: John Wiley, 1980.
- Palazchenko, Pavel. *My Years with Gorbachev and Shevardnadze: The Memoir of a Soviet Interpreter*. University Park: Pennsylvania State University Press, 1997.
- Pipes, Richard. "Misinterpreting the Cold War: The Hard-Liners had it Right." *Foreign Affairs* 74, no. 1 (January– February 1995): 154– 160.

Reagan, Ronald. *An American Life: The Autobiography*. New York: Simon and Schuster, 1990.

Sagdeev, Roald. *The Making of a Soviet Scientist: My Adventures in Nuclear Fusion and Space from Stalin to Star Wars*. New York: John Wiley, 1994.

Shevardnadze, Eduard. *The Future Belongs to Freedom*. London: Sinclair-Stevenson, 1991.

Shultz, George P. *Turmoil and Triumph: My Years as Secretary of State*. New York: Macmillan, 1993.

Shakhnazarov, Georgiy. *Tsena svobody: Reformatsiya Gorbacheva glazami ego pomoshchnika*. Moscow: Rossika Zevs, 1993.

---

## GIỚI THIỆU DỰ ÁN *NGHIENCUUQUOCTE.NET*

---

### Mục đích

*Nghiencuuquocte.net* là một dự án phi chính trị, phi lợi nhuận nhằm mục đích phát triển nguồn học liệu chuyên ngành nghiên cứu quốc tế bằng tiếng Việt và thúc đẩy việc học tập, nghiên cứu các vấn đề quốc tế tại Việt Nam.

### Lý do ra đời

Trong khi số người học tập và nghiên cứu về các vấn đề quốc tế ở Việt Nam ngày càng gia tăng thì việc tiếp cận các tài liệu mang tính học thuật của thế giới về lĩnh vực này còn rất hạn chế vì hai lý do: Thứ nhất, các tài liệu này thường phải trả phí mới tiếp cận được, trong khi các trường đại học và viện nghiên cứu của Việt Nam hầu như không có chi phí trang trải. Thứ hai, các tài liệu này chủ yếu được xuất bản bằng tiếng Anh, khiến nhiều sinh viên, nhà nghiên cứu, và đặc biệt là quảng đại độc giả quan tâm đến các vấn đề quốc tế nói chung, gặp khó khăn trong việc tiếp thu, lĩnh hội. *Nghiencuuquocte.net* ra đời với hi vọng sẽ góp phần khắc phục được các vấn đề trên.

### Hoạt động chính

Hoạt động chính của *Nghiencuuquocte.net* là biên dịch sang tiếng Việt và xuất bản trên website của mình các nguồn tài liệu mang tính học thuật bằng tiếng Anh về lĩnh vực quan hệ quốc tế, bao gồm chính trị quốc tế, kinh tế quốc tế, và luật pháp quốc tế.

Các tài liệu này chủ yếu là các bài báo trên các tạp san quốc tế, các chương sách, hoặc các tài liệu tương ứng, đã được xuất bản bởi các nhà xuất bản, các trường đại học và viện nghiên cứu có uy tín trên thế giới.

Các bài dịch học thuật của Dự án được đăng tại chuyên mục [Biên dịch](#). Danh mục rút gọn của các bài dịch này được đăng trên trang [Mục lục](#).

Từ tháng 6/2014, Dự án còn xuất bản chuyên mục [Bình luận](#) để đăng các bài bình luận tiêu biểu của các tác giả Việt Nam hoặc dịch từ các nguồn tiếng Anh uy tín về các vấn đề quan hệ quốc tế và chính sách đối ngoại Việt Nam. Ngoài ra, Dự án cũng ra mắt chuyên mục [Ấn phẩm](#) để chia sẻ các bài viết nghiên cứu về quan hệ quốc tế bằng tiếng Việt và tiếng Anh với sự cho phép của các tác giả liên quan.

Trang chủ dự án: <http://nghiencuuquocte.net/>

Thông tin thêm về Dự án: <http://nghiencuuquocte.net/about/>

Danh mục các bài đã xuất bản: <http://nghiencuuquocte.net/muc-luc/>

Theo dõi Dự án trên Facebook: <https://www.facebook.com/DAnghiencuuquocte>

Ý kiến đóng góp và mọi liên hệ xin gửi về: Lê Hồng Hiệp, [nghiencuuquocte@gmail.com](mailto:nghiencuuquocte@gmail.com)

---